

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BG  
TỈNH BG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2022/DS-ST  
Ngày 26 tháng 8 năm 2022  
V/v “Tranh chấp kiện đòi tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Mạnh Thắng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Vượng
2. Bà Nguyễn Thị Biên

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Tống Lan Hương –Thư ký Tòa án nhân dân thành phố BG.

Trong ngày 26 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở TAND thành phố BG xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 107/2022/TLST-DS, ngày 24/6/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2022/QĐXXST-DS ngày 10/8/2022, giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Bà Đỗ Thị Tuyết B, sinh năm 1973.

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Phố BN, xã AH, huyện LG, tỉnh BG.

Địa chỉ: Số 55, tòa nhà A đường Nguyễn Văn C, phường NQ, thành phố BG, tỉnh BG.

**\* Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Số nhà 71, đường GH, tổ dân phố ĐG, phường XG, thành phố BG, tỉnh BG

*(Nguyên đơn và bị đơn đều đề nghị xét xử vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, Nguyên đơn là bà Đỗ Thị Tuyết B trình bày:*  
Ngày 19/4/2022, bà đưa cho bà Nguyễn Thị G số tiền 100.000.000đồng (bằng chữ: Một trăm triệu đồng), mục đích để đóng cọc tiền đầu giá tài sản là nhà đất tại địa chỉ: Số 63B đường Lương Văn N, thành phố BG, tỉnh BG. Khi giao dịch, hai bên có xác nhận với nhau bằng văn bản, bà G ký vào Giấy nhận tiền đề ngày

19/4/2022. Hai bên thỏa thuận: Trường hợp bà G không trúng đấu giá ngày 20/4/2022 thì ngày 21/4/2022 bà G phải trả cho bà B đủ số tiền 100.000.000đồng (bằng chữ: Một trăm triệu đồng).

Tuy nhiên, ngày 20/4/2022, bà G không trúng đấu giá tài sản đối với nhà đất tại địa chỉ số 63B đường Lương Văn N. Và kể từ ngày 21/4/2022, bà G cũng không trả lại cho bà B số tiền 100.000.000đồng (bằng chữ: Một trăm triệu đồng). Do đó, bà B khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị G phải trả bà B số tiền nêu trên.

*\*Bị đơn là bà Nguyễn Thị G có bản tự khai trình bày quan điểm:* Theo Quyết định số 54/QĐ-CCTHADS của Chi cục thi hành án dân sự thành phố BG, tỉnh BG, chị Trương Thị Oanh phải trả cho bà G số tiền 3.350.000.000đồng (bằng chữ: Ba tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng). Tuy nhiên, chị Oanh không có tiền trả, nên tài sản của chị Oanh là quyền sử dụng nhà đất tại địa chỉ: Số 63B đường Lương Văn Nấm, thành phố BG, tỉnh BG được tổ chức đấu giá (do Công ty đấu giá hợp danh DHL được lựa chọn là đơn vị bán đấu giá) để thu hồi nợ. Do bà và bà Đỗ Thị Tuyết B có mối quan hệ họ hàng nên bà B biết được sự việc bà G được quyền mua tài sản vừa nêu. Hai bên đã thống nhất: Bà B đưa cho bà G số tiền 500.000.000đồng để đăng ký tham gia đấu giá. Theo thông báo của đơn vị đấu giá là Công ty đấu giá hợp danh DHL, số tiền đặt trước để đấu giá là 400.000.000đồng (bằng chữ: Bốn trăm triệu đồng), hạn cuối phải nộp là ngày 21/4/2022. Ngày 19/4/2022, bà B đưa cho bà G số tiền 100.000.000đồng (bằng chữ: Một trăm triệu đồng) để đặt cọc đấu giá quyền sử dụng đất vừa nêu trên, đồng thời hẹn sáng ngày 21/4/2022 sẽ đưa nốt 300.000.000đồng (bằng chữ: Ba trăm triệu đồng).

Tuy nhiên, đến sáng ngày 21/4/2022, bà B không đưa nốt 300.000.000đồng (bằng chữ: Ba trăm triệu đồng) còn lại, nên bà G không thể nộp tiền tham gia đấu giá. Nay bà B khởi kiện yêu cầu bà phải trả số tiền 100.000.000đồng (bằng chữ: Một trăm triệu đồng) đã giao ngày 19/4/2022 thì bà đồng ý trả. Do điều kiện hiện nay khó khăn, nên bà G có ý kiến khi nào Chi cục thi hành án dân sự thành phố BG trả cho bà khoản tiền được thi hành án thì bà sẽ trả lại 100.000.000đồng (bằng chữ: Một trăm triệu đồng) cho bà B.

*\*Tại phiên tòa ngày 26/8/2022, nguyên đơn và bị đơn đều đề nghị xét xử vắng mặt.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Do vụ án không thu thập tài liệu, chứng cứ nào khác ngoài các bản tự khai của nguyên đơn, bị đơn và tài liệu nguyên đơn cung cấp, nên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố BG không tham gia phiên tòa là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn là bà Đỗ Thị Tuyết B, bị đơn là bà Nguyễn Thị G đều đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền 100.000.000 đồng (bằng chữ: Một trăm triệu đồng) theo Giấy nhận tiền xác lập ngày 19/4/2022. Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp về quyền sở hữu tài sản và các quyền khác đối với tài sản, cụ thể là tranh chấp “Kiện đòi tài sản”. Theo quy định tại khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố BG.

[4] Về yêu cầu đòi tài sản:

Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ, hai bên nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận: Bà B giao cho bà G số tiền 100.000.000 đồng (bằng chữ: Một trăm triệu đồng) để thực hiện nộp tiền cọc đấu giá tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại địa chỉ: Số 63B đường Lương Văn Năm, thành phố BG, tỉnh BG. Bà G thừa nhận cầm số tiền nêu trên của bà B đưa và đồng ý trả cho bà B, tuy nhiên chưa thể trả ngay. Xét thấy, yêu cầu đòi số tiền 100.000.000 đồng (bằng chữ: Một trăm triệu đồng) của nguyên đơn với bị đơn là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 166; Điều 274, Điều 275; Điều 280 Bộ luật dân sự, nên cần chấp nhận.

[5] Về lãi suất chậm thi hành án:

Do các đương sự không thỏa thuận được về lãi suất chậm thi hành án, nên cần áp dụng quy định khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để để tuyên phần lãi suất chậm thi hành án.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, được chấp nhận nên cần hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn và buộc bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 21; khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 166; Điều 274, Điều 275; Điều 280; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

*1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

Buộc bà Nguyễn Thị G phải trả bà Đỗ Thị Tuyết B số tiền 100.000.000đồng (bằng chữ: Một trăm triệu đồng)

*2. Về án phí:*

2.1. Bà Nguyễn Thị G phải chịu 5.000.000 đồng (bằng chữ: Năm triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Hoàn trả bà Đỗ Thị Tuyết B số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.500.000đồng (bằng chữ: Hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001621 ngày 24/6/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố BG, tỉnh BG.

3. *Về nghĩa vụ chậm thi hành án:* Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền còn phải trả cho người được thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. *Về quyền kháng cáo:* Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

5. *Về hướng dẫn thi hành án dân sự:* Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh BG;
- VKSND tỉnh BG
- VKSND TP BG,
- Chi cục THADS TP.BG;
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Mạnh Thắng**